

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ PHONG
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST

Ngày 15/3/2023

V/v: “*Tranh chấp về ly hôn*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ PHONG - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Kim Ngọc Nguyên

Ông Lang Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Huyền Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Phong tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Cương - Kiểm sát viên.

Ngày 15/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 112/2022/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXX-ST ngày 16 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Hồ Văn T, sinh năm: 1964. Có mặt.

Nơi cư trú: Khối B, thị trấn K, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị S, sinh năm 1971. Vắng mặt. Đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Nơi ĐKKHKT: Khối B, thị trấn K, huyện Q, Nghệ An. Hiện đang cải tạo tại Đội 22, phân trại số 1, trại giam số 6, xã H, huyện Thanh C, Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 06/10/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là Ông Hồ Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Hồ Văn T và Bà Lê Thị S tự nguyện chung sống với nhau từ ngày 01/01/1987, nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì vợ chồng mâu thuẫn do tính tình không hợp, không cùng quan điểm sống, bà Lê Thị S vi phạm pháp luật hiện đang cải tạo tại Đội 22, phân trại số 1, trại giam số 6, xã H, huyện T, Nghệ An.

Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Ông Hồ Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Lê Thị S.

Về con chung: Quá trình chung sống ông T và bà S có 03 người con chung: Hồ Ngọc Q, Sinh năm: 1989; Hồ Thị H, sinh năm: 1989; Hồ Duy H, sinh năm: 1993. Các con đã đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn bà Lê Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị S và ông Hồ Văn T kết hôn năm 1987 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Sau khi bà S và ông T kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận cho đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn dẫn đến ly thân. Năm 2020 bà S bị công an tỉnh Thừa Thiên Huế bắt về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”, án phạt 17 năm. Nay ông T làm đơn xin ly hôn, bà S cũng nhất trí.

Về con chung: Như ông T trình bày, ông T và bà S có 03 người con chung: Hồ Ngọc Q, Sinh năm: 1989; Hồ Thị H, sinh năm: 1989; Hồ Duy H, sinh năm: 1993. Các con đã đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quế Phong tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thực hiện đúng pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng điều 28, Điều 35 và Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của BLTTDS. Áp dụng Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000; khoản 1 Điều 85, Điều 89 và Điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn ông Hồ Văn T. Cho ông T được ly hôn với bà Lê Thị S. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết. Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên không đặt ra xem xét. Ông Hồ Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An thụ lý, giải quyết. Bà Lê Thị S là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt có xác nhận của Trại giam số 6 là hợp lệ, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản

1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Hồ Văn T trình bày ông T và bà S chung sống với nhau từ ngày 01/01/1987, không có đăng ký kết hôn. Còn bà S trình bày vợ chồng chung sống với nhau từ đầu năm 1987, có đăng ký kết hôn tại uỷ ban nhân dân xã M, huyện Q (Nay tách thành Thị trấn K và xã M). Quá trình giải quyết vụ án Toà án nhân dân huyện Quế Phong đã tiến hành xác minh tại uỷ ban nhân dân thị trấn K và Uỷ ban nhân dân xã M đều có kết quả Sổ hộ tịch trước năm 1996 không còn lưu trữ được; sổ hộ tịch lưu trữ từ năm 1996 cho đến nay không có thông tin đăng ký kết hôn của ông Hồ Văn T và bà Lê Thị S. Tuy nhiên Ông T và bà S đều thừa nhận chung sống với nhau từ 01/01/1987, do đó đây là quan hệ hôn nhân được xác lập trước ngày 03/01/1987 nên được xem là hôn nhân thực tế theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000 ngày 09/6/2000 vì vậy căn cứ Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được áp dụng quy định Chi tiết Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án.

Quá trình chung sống, thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc sau đó bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn từ năm 2019 đã sống ly thân, năm 2020 bà S vi phạm pháp luật và đi cải tạo từ đó cho đến nay. Ông Hồ Văn T và bà S sống xa nhau đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà S cũng nhất trí ly hôn. Nên cần chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của ông Hồ Văn T.

[3] Về con chung: Hiện nay các con của ông T và bà S đều đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Ông Hồ Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết; Bà Lê Thị S, vắng mặt. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí: Ông Hồ Văn T phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Phong tại phiên tòa về nội dung vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147 khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; Khoản 1 Điều 85; khoản 1 Điều 89 và Điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000;

Xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Ông Hồ Văn T. cho Ông Hồ Văn T được ly hôn với bà Lê Thị S.

[2] Về con chung: Các con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Về án phí: Ông Hồ Văn T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp theo biên lai thu, nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006118, ngày 11/10/2022 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Quế Phong.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND H.Quế Phong;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H.Quế Phong;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thảo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thảo